

Bản án số: 385/2025/DS-PT

Ngày: 26/6/2025

V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi
và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Bà Võ Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 895/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969;

2. Ông Trịnh Văn Bé T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Do chỗ quen biết, có quan hệ họ hàng với chồng của bà nên vào các khoảng thời gian 26/9/2021 và 16/10/2022 bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T mượn tổng số tiền 160.000.000 đồng. Bà đã yêu cầu bà H, ông T trả

nợ nhưng không trả nợ mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Ngoài ra, bà có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị H làm chủ hụi, cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hụi 10.000.000 đồng, khai hụi lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2022 (âm lịch), dây hụi này có 19 phần, bà tham gia 01 phần, ba tháng khai 01 lần, đã đóng 08 lần. Hụi chưa mãn nhưng tới tháng 5/2024 âm lịch ngưng không đóng nữa do bể hụi. Dây hụi này bà H nợ tổng số tiền là 76.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 3.000.000 đồng, khai hụi lần đầu ngày 10 tháng 5 năm 2023 (âm lịch), dây hụi này có 21 phần, bà tham gia 01 phần, một tháng khai một lần, đã đóng được 13 phần. Hụi chưa mãn nhưng tới tháng 6/2024 âm lịch ngưng không đóng nữa do bể hụi. Dây hụi này bà H nợ số tiền là 37.800.000 đồng.

Tại thời điểm bà tham gia hụi do bà H làm chủ hụi là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông Bé T. Thực tế khi đóng hụi, ông T biết và có nhận tiền đóng hụi từ các hụi viên. Số tiền mượn nợ nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, đây là nợ chung của vợ chồng bà H và ông Bé T nên cả hai đều có nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T phải liên đới trả lại tổng số tiền nợ vay và nợ hụi là 273.800.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận có nợ bà số tiền mượn là 160.000.000 đồng, nay xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với nợ hụi: Đồng ý các dây hụi, thời gian khai hụi như nguyên đơn trình bày. Nay sự việc hụi bể không ai mong muốn, xin trả lại vốn gốc cho bà M. Cụ thể:

+ Dây 1: Hụi 10.000.000 đồng, khai hụi ngày 01 tháng 9 năm 2022 (âm lịch), dây hụi này có 19 phần, bà M tham gia 01 phần, ba tháng khai 01 lần, đã đóng 08 lần, H1 chưa mãn nhưng tới tháng 5/2024 âm lịch không đóng nữa do bể hụi. Dây hụi này, bà H xin trả bà M số tiền vốn đã đóng là 44.450.000 đồng. Đồng ý trả một lần sau khi hụi mãn là vào tháng 5/2027 (âm lịch).

+ Dây 2: Hụi 3.000.000 đồng, khai hụi ngày 10 tháng 5 năm 2023 (âm lịch), dây hụi này có 21 phần, bà M tham gia 01 phần, một tháng khai một lần, đã đóng được 13 phần. Hụi chưa mãn. Dây hụi này xin trả cho bà M số tiền vốn đã đóng là 31.200.000 đồng. Đồng ý trả một lần sau khi hụi mãn là vào tháng 4/2025 (âm lịch).

Đối với ông Trịnh Văn Bé T hoàn toàn không liên quan gì đến hụi hè, nợ nần. Toàn bộ là nợ của cá nhân bà H, bà vay nợ để xoay sở các khoản hụi và

công việc làm ăn. Ông T biết việc bà H tổ chức hội từ năm 2010 đến nay nhưng hoàn toàn không can dự vào công việc của bà.

Bị đơn ông Trịnh Văn Bé T trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H, ở chung nhà. Tuy nhiên việc bà H chơi hội, nợ nần gì khi nào, với ai, ông hoàn toàn không biết. Việc bà H chơi hội là để tiêu xài cá nhân. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông liên đới trả nợ cùng với bà H, ông hoàn toàn không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 274, 278, 280, 288, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền nợ vay là 160.000.000 đồng và tổng số tiền hội là 75.650.000 đồng, tổng cộng là **235.650.000 đồng** (*Hai trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/02/2025, bị đơn Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà:

- Đối với nợ hội bà H đồng ý trả bà M số tiền vốn là 75.650.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.400.000 đồng bắt đầu từ tháng 01/2025 đến hết tháng 02/2026.

- Đối với số tiền vay bà H chỉ thừa nhận nợ bà M số tiền vốn là 120.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 26/9/2021 nợ 70.000.000 đồng và biên nhận ngày 16/10/2022 nợ 50.000.000 đồng). Theo bà H, bà đã trả tiền lãi cho bà

M 3%/tháng được số tiền lãi là 137.400.000 đồng, tuy nhiên lãi theo quy định chỉ 27.473.000 đồng, nên số tiền lãi bà đã trả dư là 109.927.000 đồng sẽ được trừ vào tiền vốn, vậy tiền vốn chỉ còn lại là 10.073.000 đồng

Tổng cộng tiền nợ vay và nợ hui bà còn thiếu bà M là 85.723.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà M 85.723.000 đồng. Bà xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ hui và nợ vay trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Tuyết M ba lần tiền như sau: Vay 40.000.000 đồng không nhớ khi nào; Ngày 26/6/2021 vay 70.000.000 đồng; Ngày 16/10/2022 vay 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn bà H vay của bà M là 160.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi là 137.400.000 đồng bà không có chứng cứ gì để chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M không thừa nhận bà H có trả lãi 137.400.000 đồng, bà M không đồng ý cho bà H trả nợ dần.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị H: Bà H kháng cáo không có chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo ngày 21/1/2025 của bà Nguyễn Thị H trong thời hạn quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M là hui viên, bà Nguyễn Thị H là chủ hui, ông T là chồng của bà H. Bà M có cho bà H mượn tiền và bà M có tham gia hai dây hui

do bà H làm chủ. Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 bà M trình bày bà H có nợ tiền vay là 120.000.000 đồng và tiền hui là 113.800.000 đồng. Bà M yêu cầu bà H và ông T trả số tiền vay và tiền hui là 233.800.000 đồng. Ngày 25/10/2024 bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn khởi kiện bổ sung đối với phần tiền nợ vay bà yêu cầu bà H và ông T trả số tiền là 160.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 25/11/2024 bà Nguyễn Thị H trình bày bà nợ bà M số tiền vay là 120.000.000 đồng và tiền nợ hui là 75.650.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/01/2025 bà H thừa nhận có nợ bà M số tiền vay là 160.000.000 đồng và nợ vốn tiền hui là 75.650.000 đồng. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà H và ông T trả cho bà M số tiền vay và tiền hui tổng cộng là 235.650.000 đồng. Bà H không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Đối với số tiền vay, tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận có vay của bà M ba lần tổng cộng số tiền là 160.000.000 đồng. Như vậy giữa bà M và bà H thống nhất về số tiền vốn của nợ vay là 160.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi bà H cho rằng đã trả cho bà M số tiền là 137.400.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ gì để chứng minh, phía bà M cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với nợ hui, tại phiên tòa phúc thẩm bà M và bà H đều thừa nhận số tiền vốn bà M đã đóng cho bà H của hai dây hui là 75.650.000 đồng, bà M cũng chỉ yêu cầu bà H trả số tiền vốn, hai bên đã thống nhất.

Đối với việc bà H xin trả nợ dần nhưng không được phía bà M đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về trách nhiệm ông T liên đới với bà H để trả tiền vay và tiền hui cho bà M, xét thấy khi bà H mượn tiền của bà M và khi bà M tham gia hui của bà H thì bà H ông T vẫn còn là vợ chồng. Bà H không có căn cứ gì để chứng minh ông T không có liên quan đến tiền vay và tiền nợ hui của bà M nên ông T phải có nghĩa vụ liên đới với bà H trả tiền cho bà M.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà H và ông T liên đới trả cho bà M số tiền 235.650.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Bà H và ông T phải chịu 11.782.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

- Giữ nguyên bản án bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯ-VQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền nợ vay là 160.000.000 đồng và tổng số tiềnhui là 75.650.000 đồng, tổng cộng là **235.650.000 đồng** (*Hai trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Bé T1 phải chịu 11.782.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai hu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0003830 ngày 04/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

H2 lại bà Nguyễn Thị Tuyết M 5.845.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003671 ngày 31/10/2024 và số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003734 ngày 25/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan